

Số: **04** /BC-VTTC-BKS

Hà Nội, ngày **08** tháng **4** năm 2019

BÁO CÁO

V/v Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại- Vinacomin

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và điều lệ công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin. Ban Kiểm soát công ty xin trình bày trước Đại hội đồng cổ đông công ty về kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 của công ty cổ phần Du lịch và Thương mại- Vinacomin.

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2018 do Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại- Vinacomin lập, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO được phát hành tài liệu báo cáo kiểm toán số 121/2019/BCKT-BDO ngày 26 tháng 3 năm 2019.

Ban kiểm soát Công ty thực hiện Thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2018, kết quả đánh giá như sau :

1. Kết quả thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại- Vinacomin:

Nội dung thẩm định: Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO; xem xét công tác kiểm kê tài sản thông qua các hồ sơ kiểm kê, nhìn nhận số lượng, chủng loại vật tư hàng hóa còn tồn kho; về công nợ phải thu, phải trả đến thời điểm 31/12/2018 kiểm tra xác định về mức độ an toàn của từng khoản nợ phải thu, thông qua biên bản xác nhận nợ của khách nợ tại thời điểm 31/12/2018. Đối với các khoản nợ đã quá hạn thanh toán, kiểm tra việc trích lập dự phòng đã tuân thủ theo quy định của Bộ tài chính; đối với những khoản nợ quá hạn nhưng chưa trích lập dự phòng – Ban kiểm soát đã kiểm tra thu hồi nợ đầu năm 2019; Sau khi xem xét, thẩm tra Ban kiểm soát có nhận xét như sau:

- Năm 2018, Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành. Tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán, lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp và nhất quán, phù hợp với đặc điểm hoạt động SXKD và yêu cầu quản lý của Công ty.

- Lập báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

- Ban kiểm soát nhất trí với Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán tại báo cáo kiểm toán số 121/2019/BCTC – BDO, ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Công ty TNHH kiểm toán BDO. Báo cáo tài chính năm 2018 đã phản ánh đầy đủ tình hình tài chính của Công ty trong năm 2018.



- Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2018 đã được Công ty lập. Ban kiểm soát xác định các số liệu tài chính được đưa ra trong báo cáo của HĐQT trình ĐHCĐ là thể hiện trung thực, phản ánh đầy đủ tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

2. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 (Báo cáo tài chính đã được kiểm toán):

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
A. Tổng tài sản		862,765,368,279	604,220,972,575
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	826,962,914,721	559,968,540,253
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	125,179,964,345	100,534,881,922
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	431,986,943,670	327,948,493,330
Trong đó: Dự phòng nợ phải thu khó đòi		-11,360,665,534	-15,613,736,806
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	259,867,382,352	129,563,878,297
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	9,928,624,354	1,921,286,704
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	35,802,453,558	44,252,432,322
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	502,790,228	506,657,293
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211-BCĐKT		
Trong đó: Dự phòng nợ phải thu dài hạn khó đòi	219-BCĐKT		
2. Tài sản cố định	220-BCĐKT	14,090,117,826	12,321,760,595
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	14,045,713,703	12,295,023,136
- Tài sản cố định thuê Tài chính	224-BCĐKT		
- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	44,404,123	26,737,459
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT		
4. Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	136,363,636	9,346,363,636
Trong đó: Chi phí XDCB dở dang	242-BCĐKT	136,363,636	9,346,363,636
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT		
Trong đó: - Đầu tư vào công ty con	251-BCĐKT		
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254-BCĐKT		
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	21,073,181,868	22,077,650,798
B. Tổng nguồn vốn		862,765,368,279	604,220,972,575
I. Nợ phải trả	300-BCĐKT	807,312,997,027	546,685,176,958
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	807,312,997,027	546,685,176,958
Trong đó: Nợ quá hạn			
Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi	322-BCĐKT	7,547,377,379	7,276,152,498
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT		
II. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	55,452,371,252	57,535,795,617
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	55,357,556,596	57,488,388,290
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	25,000,560,000	25,000,560,000
Quỹ đầu tư phát triển	418-BCĐKT	20,214,068,533	22,206,923,432

1296
 CÔNG TY
 HẠN
 THƯƠNG
 CÔNG
 - TP.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421-BCĐKT	10,142,928,063	10,280,904,858
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT	94,814,656	47,407,327

Tỷ lệ chi trả cổ tức, trích lập quỹ Đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi năm 2018 Công ty thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

2.1. Về bảo toàn vốn:

Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2018: 57.488 triệu đồng ;

Hệ số bảo toàn vốn 1,04 lần.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu 15.613 triệu đồng và dự phòng bảo hành sản phẩm 12.858 triệu đồng (tỷ lệ 3,5%/doanh thu), đảm bảo bảo toàn vốn trước dự kiến rủi ro có thể xảy ra → Như vậy năm 2018 công ty bảo toàn và phát triển được vốn.

2.2. Về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (hiện thời) :

Tài sản ngắn hạn thời điểm 31/12/2018: 559.968 triệu đồng ;

Nợ ngắn hạn thời điểm 31/12/2018: 546.685 triệu đồng ;

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn 1,04 lần > 0,5 theo quy định của Bộ Tài chính,

Như vậy tại thời điểm 31/12/2018 Công ty có đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn.

2.3. Về hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu:

Nợ phải trả (sau khi trừ quỹ khen thưởng phúc lợi) thời điểm 31/12/2018: 539.409 triệu đồng,

Hệ số nợ phải trả / vốn CSH: 9,38; Hệ số nợ phải trả năm 2017 Công ty thực hiện 14,45 lần → hệ số nợ thực hiện năm 2018 giảm so với năm 2017 là 5,07 lần ; đó là do trong năm Công ty đã tích cực thu hồi công nợ, giảm được nợ phải trả, giảm tồn kho hàng hóa so với cùng thời điểm 31/12, do đó số tiền huy động từ nguồn vốn tín dụng giảm.

Trên đây là kết quả Thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin, Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông công ty.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông (b/c),
- HĐQT, Ban KS,
- Lưu thư ký HĐQT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Hoàng Văn Kiệm